

Số: 80 /QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu  
Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 4)**

### **GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;*

*Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 3069/QĐ-BVĐHYD ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 4);*

*Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 4) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 14 tháng 01 năm 2023 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 4).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 4) với các nội dung sau:**

- Nhà thầu trúng thầu: 30 nhà thầu;

| Stt<br>HSDX | Tên nhà thầu                                                           | Số danh<br>mục | Giá trị (VND) |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| 1           | Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật MG                                      | 1              | 33.750.000    |
| 2           | Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên CVS Medical                 | 1              | 135.000.000   |
| 3           | Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế Tâm Thu | 2              | 2.970.000.000 |
| 4           | Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh Phương                        | 3              | 4.033.133.330 |
| 5           | Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S                                 | 3              | 1.722.500.000 |



| <b>Stt<br/>HSDX</b> | <b>Tên nhà thầu</b>                                                     | <b>Số danh<br/>mục</b> | <b>Giá trị (VND)</b> |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|
| 6                   | Công ty Trách nhiệm hữu hạn thiết bị y tế Thiên Y                       | 3                      | 507.000.000          |
| 7                   | Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP                              | 3                      | 2.198.400.000        |
| 8                   | Công ty TNHH Thiên Việt                                                 | 1                      | 126.000.000          |
| 9                   | Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Cống Vàng                           | 3                      | 447.294.000          |
| 10                  | Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Kim Hòa Phát                         | 5                      | 4.870.000.000        |
| 11                  | Công ty TNHH Công nghệ An Pha                                           | 1                      | 912.500.000          |
| 12                  | Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh                                         | 6                      | 4.347.500.000        |
| 13                  | Công ty Cổ phần Trang Y                                                 | 6                      | 2.094.750.000        |
| 14                  | Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức                 | 4                      | 2.180.300.000        |
| 15                  | Công ty TNHH Trang thiết bị y tế và Tư vấn môi trường Tâm Thy           | 1                      | 520.000.000          |
| 16                  | Công ty TNHH Y tế Khuê Việt                                             | 11                     | 588.950.000          |
| 17                  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ H.T.L                    | 1                      | 750.000.000          |
| 18                  | Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Đức Tín                             | 1                      | 288.800.000          |
| 19                  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết bị y tế Đình Cao                      | 2                      | 402.000.000          |
| 20                  | Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Hạnh Nguyên                         | 1                      | 770.000.000          |
| 21                  | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín                    | 11                     | 8.080.800.000        |
| 22                  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại thiết bị y tế An Pha             | 2                      | 5.666.040.000        |
| 23                  | Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Sing                                 | 6                      | 3.929.350.000        |
| 24                  | Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật An Pha                                 | 11                     | 1.604.300.000        |
| 25                  | Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam                               | 5                      | 2.063.000.000        |
| 26                  | Công ty TNHH Thiết bị y tế Trảng Thi                                    | 2                      | 2.360.000.000        |
| 27                  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ và sản xuất Việt Tường | 14                     | 2.036.800.000        |

| Stt<br>HSDX       | Tên nhà thầu                                                              | Số danh<br>mục | Giá trị (VND)         |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|
| 28                | Công ty TNHH Dược phẩm Thiết bị y tế<br>KI TA PI DA                       | 6              | 5.736.800.000         |
| 29                | Công ty TNHH Trang thiết bị và vật tư y<br>tế Hoàng Việt Long             | 3              | 1.492.680.000         |
| 30                | Công ty TNHH Tư vấn, thương mại và<br>Dịch vụ khoa học, kỹ thuật Transmed | 1              | 2.250.000.000         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                                           | <b>120</b>     | <b>65.117.647.330</b> |

- Giá trúng thầu: 65.117.647.330 VND (Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, một trăm mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm;  
- Danh mục không trúng thầu (bao gồm các danh mục không có nhà thầu tham dự): Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 2.** Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (9).



**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Bắc



# PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định số 30/QĐ-BVĐHYD ngày 16 tháng 11 năm 2023)

## 1. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật MG (Mã HSDX: 1)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                              | Tên thương mại                     | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 1   | 1                 | 113      | 3                      | Kim chọc dò bơm xi măng thân sống, cỡ 11G, 13G, dài 125mm | Kim chọc dò các cỡ Teknimed Trocar | T060430 | Adria         | Ý             | Teknimed        | Pháp            | Hộp/1 cái         | Cái         | 220000885/PCB B-HCM ngày 21/03/2022     | 25       | 1.350.000     | 33.750.000       |
|     |                   |          | Tổng cộng              | 1                                                         | danh mục                           |         |               |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 33.750.000       |

## 2. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên CVS Medical (Mã HSDX: 2)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                           | Tên thương mại                                                                                                        | Mã hàng                                     | Hãng sản xuất     | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu   | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------|---------------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 2   | 1                 | 7        | 3                      | Bộ kim chọc dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da, các cỡ | Bộ kim chọc chuyên dùng hỗ trợ dẫn lưu đường mật xuyên gan qua da và các kỹ thuật can thiệp ngoại biên loại Galtstick | KIT-030-...;<br>KIT-036-...;<br>KIT-037-... | Galt Medical Corp | Hoa Kỳ        | Galt Medical Corp | Mỹ              | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | 220001077/PCB B-HCM ngày 8/4/2022       | 30       | 4.500.000     | 135.000.000      |
|     |                   |          | Tổng cộng              | 1                                                      | danh mục                                                                                                              |                                             |                   |               |                   |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 135.000.000      |

## 3. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu trang thiết bị y tế Tâm Thu (Mã HSDX: 3)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                  | Tên thương mại                         | Mã hàng                           | Hãng sản xuất                    | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu                              | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 3   | 1                 | 31       | 3                      | Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 22 đến 24g    | EVITY 6 DR-T + SOLIA S 53 + SOLIA S 60 | 407149 + 377177 + 377179 + F47506 | Biotronik SE & Co.KG, FIAB S.p.A | Đức, Italy    | Biotronik SE & Co.KG/ Đức, FIAB S.p.A/ Italy | Đức, Italy      | Hộp/1 bộ          | Bộ          | GPNK số: 14065NK/ BYT-TB-CT             | 15       | 107.500.000   | 1.612.500.000    |
| 4   | 2                 | 32       | 3                      | Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng từ 23 đến 24g | ENTICOS 4 DR + SOLIA S 53 + SOLIA S 60 | 407155 + 377177 + 377179 + F47506 | Biotronik SE & Co.KG, FIAB S.p.A | Đức, Italy    | Biotronik SE & Co.KG/ Đức, FIAB S.p.A/ Italy | Đức, Italy      | Hộp/1 bộ          | Bộ          | GPNK số: 14065NK/ BYT-TB-CT             | 15       | 90.500.000    | 1.357.500.000    |
|     |                   |          | Tổng cộng              | 2                                                                             | danh mục                               |                                   |                                  |               |                                              |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.970.000.000    |

## 4. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh Phương (Mã HSDX: 4)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                          | Tên thương mại                                                                                     | Mã hàng        | Hãng sản xuất                 | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu               | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|---------------|-------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 5   | 1                 | 110      | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.0 -> 6.0mm, dài 6-> 30mm | Bóng nong động mạch vành NC Emergent <sup>TM</sup> Monorail <sup>TM</sup> PTCA Dilatation Catheter | H74939276xxxxx | Boston Scientific Corporation | Mỹ            | Boston Scientific Corporation | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 15945NK/BYT-TB-CT                       | 200      | 8.000.000     | 1.600.000.000    |



*Handwritten signature*

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                       | Tên thương mại                                                                  | Mã hàng                                                          | Hãng sản xuất                 | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu               | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 6   | 2                 | 111       | 4                      | Đầu dò siêu âm mạch vành 5Fr, 6Fr có tần số 40 MHz, chiều dài 135cm dùng cho máy siêu âm lòng mạch | Ổng thông chụp ảnh mạch vành OptiCross 40MHz Coronary Imaging Catheter          | H749518100; H749518120                                           | Boston Scientific Corporation | Costa Rica    | Boston Scientific Corporation | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 15947NK/BYT-TB-CT                       | 100      | 23.100.000    | 2.310.000.000    |
| 7   | 3                 | 112       | 3                      | Ổng thông hỗ trợ can thiệp động mạch vành, các cỡ                                                  | Ổng thông dùng trong can thiệp tim mạch Guidezilla™ II Guide Extension Catheter | H7493933515080 ; H7493933515070; H7493933515060; H74939335150610 | Boston Scientific Corporation | Mỹ            | Boston Scientific Corporation | Mỹ              | Hộp/1 Cái         | Cái         | 220001550/PCB B-BYT; 16155NK/BYT-TB-CT  | 10       | 12.313.333    | 123.133.330      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 3                                                                                                  | danh mục                                                                        |                                                                  |                               |               |                               |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 4.033.133.330    |

**5. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S (Mã HSDX: 5)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                              | Tên thương mại                                       | Mã hàng                                                                                                                              | Hãng sản xuất               | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu             | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu                              | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|-----------------|-------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 8   | 1                 | 74        | 3                      | Bộ dây dẫn dịch vào khớp, 2 đường ra vào riêng biệt                                                                       | Bộ dây dẫn dịch vào khớp                             | AR-6410                                                                                                                              | Arthrex., INC               | Mỹ            | Arthrex., INC               | Mỹ              | 1 Bộ/ gói         | Bộ          | 220000232/PCB B-HCM                                                  | 100      | 1.500.000     | 150.000.000      |
| 9   | 2                 | 75        | 3                      | Khớp gối toàn phần cố định, lõi cầu không cắt rãnh bảo tồn xương, mâm chày khóa ngầm trước và sau, miếng đệm có Vitamin E | Khớp gối toàn phần Mobio                             | Lõi cầu trong bộ khớp gối: 88211xxxxx<br>Miếng lót: 88213331.xx<br>Mâm chày: 88212xxxxx<br>Bánh ché: 88214xxxxx<br>Xi măng: T04xxxxx | B-One Ortho Corp.; Teknimed | Mỹ, Pháp      | B-One Ortho Corp.; Teknimed | Mỹ, Pháp        | 5 cái/bộ          | Bộ          | 14501NK/BYT-TB-CT ngày 03/03/2021; 17346NK/BYT-TB-CT ngày 27/01/2021 | 5        | 58.500.000    | 292.500.000      |
| 10  | 3                 | 76        | 3                      | Vít neo tái tạo dây chằng chéo trước tự chỉnh độ dài, thiết kế khóa 4 điểm, vòng treo có thể nối lỏng                     | Vít neo tái tạo dây chằng chéo trước tự chỉnh độ dài | AR-1588RT                                                                                                                            | Arthrex., INC               | Mỹ            | Arthrex., INC               | Mỹ              | 1 cái/gói         | Cái         | 8647NK/BYT-TB-CT ngày 02/04/2018                                     | 100      | 12.800.000    | 1.280.000.000    |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 3                                                                                                                         | danh mục                                             |                                                                                                                                      |                             |               |                             |                 |                   |             |                                                                      |          | Giá trị:      | 1.722.500.000    |

**6. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thiết bị y tế Thiên Y (Mã HSDX: 6)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                       | Tên thương mại             | Mã hàng                                   | Hãng sản xuất                    | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu                  | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|---------------|----------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 11  | 1                 | 20        | 3                      | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh cỡ 10 x 12,5cm | Miếng và màng cứng tự dính | ID-4501-I<br>DP-1045-I<br>DURS4591        | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ            | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 6909NK/BYT-TB-CT                        | 12       | 18.500.000    | 222.000.000      |
| 12  | 2                 | 21        | 3                      | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh cỡ 2,5x2,5cm   | Miếng và màng cứng tự dính | ID-1101-I; ID-1105-I; DP-1011-I; DRM-1011 | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ            | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 6909NK/BYT-TB-CT                        | 40       | 2.700.000     | 108.000.000      |
| 13  | 3                 | 22        | 3                      | Màng cứng nhân tạo Collagen tự dính dùng trong phẫu thuật thần kinh cỡ 7.5x 7.5cm  | Miếng và màng cứng tự dính | ID-3305-I; DP-5033-I                      | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ            | Integra LifeSciences Corporation | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 6909NK/BYT-TB-CT                        | 15       | 11.800.000    | 177.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 3                                                                                  | danh mục                   |                                           |                                  |               |                                  |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 507.000.000      |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

**7. Tên nhà thầu: Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam - CTCP (Mã HSDX: 7)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                                                                                         | Tên thương mại                                                                                                           | Mã hàng                                                       | Hãng sản xuất                                                                   | Nước sản xuất    | Hãng chủ sở hữu                                                                 | Nước chủ sở hữu  | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 14  | 1                 | 79        | 3                      | Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, ổ cối nhiều chốt khóa chống xoay, chuỗi nhỏ từ 110mm phù hợp lồng tùy nhỏ, miếng đệm có vitamin E và chống trượt 20 độ       | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc ổ cối 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chòm 28/32/36) | 1306-xxxx; 1406-xxxx; 1203-xxxx; 1106-xxxx; 5206-10xx         | United Orthopedic Corporation                                                   | Đài Loan         | United Orthopedic Corporation                                                   | Đài Loan         | Gói/ 1 bộ         | bộ          | GPNK số: 12678NK/BYT-TB-CT              | 10       | 63.800.000    | 638.000.000      |
| 15  | 2                 | 80        | 3                      | Khớp gối toàn phần cố định, thiết kế không cắt xương rãnh liên lõi cầu, lõi cầu xoay ≥12,5độ, mâm chày có vị trí gắn chuỗi nối dài và miếng ghép bù xương, miếng chêm polyethylen bổ sung vitamin E, | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC-vitamin E bảo tồn xương tối đa                                                      | 2103-xxxx; 2303-xxxx; 2203-xxxx; 2403-xxxx; 880013            | United Orthopedic Corporation và SYNIMED (Synergie Ingénierie Médicale) S.A.R.L | Đài Loan và Pháp | United Orthopedic Corporation và SYNIMED (Synergie Ingénierie Médicale) S.A.R.L | Đài Loan và Pháp | Gói/ 1 bộ         | bộ          | GPNK số: 12681NK/BYT-TB-CT              | 20       | 58.000.000    | 1.160.000.000    |
| 16  | 3                 | 81        | 3                      | Khớp gối toàn phần thay lại, thiết kế chuỗi nối dài lõi cầu dạng thẳng và cong, miếng đệm có dạng bản lề, có Vitamin E                                                                               | Bộ khớp gối toàn phần thay lại PSA                                                                                       | 2103-xxxx; 2903-xxxx; 2303-xxxx; 2203-xxxx; 2403-xxxx; 880013 | United Orthopedic Corporation và SYNIMED (Synergie Ingénierie Médicale) S.A.R.L | Đài Loan và Pháp | United Orthopedic Corporation và SYNIMED (Synergie Ingénierie Médicale) S.A.R.L | Đài Loan và Pháp | Gói/ 1 bộ         | bộ          | GPNK số: 12681NK/BYT-TB-CT              | 5        | 80.080.000    | 400.400.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 3                                                                                                                                                                                                    | danh mục                                                                                                                 |                                                               |                                                                                 |                  |                                                                                 |                  |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.198.400.000    |

**8. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiên Việt (Mã HSDX: 8)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                 | Tên thương mại                                   | Mã hàng                                         | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 17  | 1                 | 33        | 3                      | Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh dạng sheath, dài 80-> 100cm | Neuron Max Long Sheath; Neuron Delivery catheter | PND6F0701058M<br>PNML6F088804M<br>PNML6F088904M | Penumbra, Inc | Hoa Kỳ        | Penumbra, Inc   | Hoa Kỳ          | 1 Hộp / 1 cái     | Cái         | 8138NK/BYT-TB-CT                        | 15       | 8.400.000     | 126.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 1                                                                            | danh mục                                         |                                                 |               |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 126.000.000      |

*Handwritten signature/initials*

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

**9. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Cổng Vàng (Mã HSDX: 9)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                            | Tên thương mại                                                                                                                  | Mã hàng                                                         | Hãng sản xuất              | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu              | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 18  | 1                 | 23        | 3                      | Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót polyethylene, chuỗi phủ toàn bộ calcium phosphate miếng lót có chốt trung tâm | Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-CombiCup, Ceramic on PE. | 165-xxxxxx<br>128-7xxxx<br>182-001xx<br>182-152xx<br>180-xxxxxx | Waldemar Link GmbH&Co.KG-  | ĐỨC           | Waldemar Link GmbH&Co.KG-Đức | ĐỨC             | Cái/ hộp          | Bộ          | GNPK số 8601NK/BYT-TB-CT ngày 28/3/2018 | 3        | 65.000.000    | 195.000.000      |
| 19  | 2                 | 24        | 3                      | Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất, cỡ 4F                                                                                                 | Catheter đo áp lực nội sọ tại não thất kèm dẫn lưu giải áp, 110-4HM                                                             | 110-4HM                                                         | NATUS Medical Incorporated | Mỹ            | NATUS Medical Incorporated   | Mỹ              | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          |                                         | 10       | 16.170.000    | 161.700.000      |
| 20  | 3                 | 25        | 3                      | Bộ đo áp lực nội sọ tại nhu mô não kèm đo nhiệt độ thân não, cỡ 4Fr                                                                     | Catheter đo áp lực nội sọ và nhiệt độ tại nhu mô não (hoặc khoang dưới nhện), 110-4B                                            | 110-4B                                                          | NATUS Medical Incorporated | Mỹ            | NATUS Medical Incorporated   | Mỹ              | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          |                                         | 6        | 15.099.000    | 90.594.000       |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 3                                                                                                                                       | danh mục                                                                                                                        |                                                                 |                            |               |                              |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 447.294.000      |

**10. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Kim Hòa Phát (Mã HSDX: 10)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                         | Tên thương mại                                                                                 | Mã hàng                                                                                      | Hãng sản xuất                                                       | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu          | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 21  | 1                 | 66        | 4                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2-> 5mm, dài 6-> 27mm                                                                     | Bóng nong mạch vành áp lực cao NC Sprinter                                                     | NCSPxxxxX                                                                                    | Medtronic Mexico S.de R.L.de CV                                     | Mexico        | Medtronic INC            | Mỹ              | Hộp/ 1 cái        | Cái         | GNPK Số: 16283NK/BYT-TB-CT              | 200      | 8.000.000     | 1.600.000.000    |
| 22  | 2                 | 67        | 3                      | Van động mạch chủ sinh học thay qua da, khung van: cobalt-chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò                         | Van tim nhân tạo và phụ kiện, vật tư tiêu hao đi kèm - Edwards SAPIEN 3- Edwards Commander Kit | S3TF120 / S3TF123 / S3TF126 / S3TF129                                                        | Edwards Lifesciences LLC, Edwards Lifesciences (Singapore) Pte, Ltd | Mỹ, Singapore | Edwards Lifesciences LLC | Mỹ              | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | GNPK số: 17707NK/BYT-TB-CT              | 3        | 685.000.000   | 2.055.000.000    |
| 23  | 3                 | 121       | 3                      | Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 3.0-> 7.0mm, dài 40-> 120mm                                                      | Bóng nong động mạch dùng cho can thiệp tim mạch Legflow                                        | Lxx-xxOTW; Lxx-xxxOTW; Lxxx-xxOTW; L18xx-xx; L18xx-xxx; LSxx-xxOTW; LSxx-xxxOTW; LSxxx-xxOTW | Cardionovum GmbH                                                    | Đức           | Cardionovum GmbH         | Đức             | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 12524NK/BYT-TB-CT                       | 10       | 23.500.000    | 235.000.000      |
| 24  | 4                 | 122       | 3                      | Stent can thiệp mạch máu ngoại biên-chủ, bằng Coban - Chrom, bọc 1 lớp graft micro-porous ePTFE, đường kính 12 - 24mm, dài 18 - 58mm | Stent dùng cho can thiệp tim mạch Begraft Aortic                                               | BGAxxxx_1/ BGAxxxx_2                                                                         | Bentley Innomed GmbH                                                | Đức           | Bentley Innomed GmbH     | Đức             | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 10553NK/BYT-TB-CT                       | 7        | 75.000.000    | 525.000.000      |
| 25  | 5                 | 123       | 3                      | Stent can thiệp mạch máu ngoại biên có màng bọc, đường kính 5 - 10mm                                                                 | Stent dùng cho can thiệp tim mạch Begraft Peripheral                                           | BGPxxxx_1/ BGPxxxx_2                                                                         | Bentley Innomed GmbH                                                | Đức           | Bentley Innomed GmbH     | Đức             | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 9849NK/BYT-TB-CT                        | 7        | 65.000.000    | 455.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 5                                                                                                                                    | danh mục                                                                                       |                                                                                              |                                                                     |               |                          |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 4.870.000.000    |

| Stt                                                                  | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| <b>11. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Công nghệ An Pha (Mã HSDX: 11)</b> |                   |          |                        |              |                |         |               |               |                 |                 |                   |             |                                         |          |               |                  |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC         | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                        | Tên thương mại             | Mã hàng                                               | Hãng sản xuất               | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu             | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND)   | Thành tiền (VND)   |
|-----|-------------------|------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|-----------------|--------------------|
| 26  | 1                 | 30               | 3                      | Van tim hai lá nhân tạo cơ học, 100% carbon, vòng khẩu mỏng, các cỡ | Van tim cơ học hai lá On-X | ONXM-23, ONXM-25, ONXM-27/29, ONXM-31/33, ONXMC-25/33 | On- X Life Technologies Inc | Mỹ            | On- X Life Technologies Inc | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | GPNK: 19154NK/BYT-TB-CT                 | 25       | 36.500.000      | 912.500.000        |
|     |                   | <b>Tổng cộng</b> |                        | 1                                                                   | danh mục                   |                                                       |                             |               |                             |                 |                   |             |                                         |          | <b>Giá trị:</b> | <b>912.500.000</b> |

**12. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Danh (Mã HSDX: 12)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC         | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                          | Tên thương mại                                            | Mã hàng              | Hãng sản xuất                                     | Nước sản xuất  | Hãng chủ sở hữu          | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND)   | Thành tiền (VND)     |
|-----|-------------------|------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------|----------------|--------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|-----------------|----------------------|
| 27  | 1                 | 34               | 3                      | Ông thông hút huyết khối can thiệp mạch não, đường kính 0.055inch, dài 125cm                                          | Ông hút huyết khối trong lòng mạch máu não                | DA5xxxxx             | MicroVention, Inc. Microvention Costa Rica S.R.L. | Mỹ, Costa Rica | MicroVention Europe SARL | Pháp            | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 16738NK/BYT-TB-CT                       | 70       | 27.000.000      | 1.890.000.000        |
| 28  | 2                 | 35               | 3                      | Ông thông hút huyết khối can thiệp mạch não, đường kính trong 0.07 inch, đường kính ngoài 0.0825 inch, dài 125, 131cm | Ông hút huyết khối trong lòng mạch máu não                | DA6xxxxx             | MicroVention, Inc. Microvention Costa Rica S.R.L. | Mỹ, Costa Rica | MicroVention Europe SARL | Pháp            | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 16738NK/BYT-TB-CT                       | 20       | 29.500.000      | 590.000.000          |
| 29  | 3                 | 36               | 3                      | Lưỡi bảo khớp nội soi, đường kính 3.5, 4.5 và 5.5mm                                                                   | Lưỡi bảo khớp shaver các loại, các cỡ                     | 9263A, C9262, 9260A, | Conmed Corporation                                | Mỹ             | Conmed Corporation       | Mỹ              | 1 Cái/Hộp         | Cái         | 220000769/PCB B-BYT                     | 32       | 5.500.000       | 176.000.000          |
| 30  | 4                 | 37               | 3                      | Vít chỉ neo khâu chớp xoay, bằng PEEK, thiết kế ren ngược, chỉnh độ căng sau chốt neo.                                | Vít neo khâu chớp xoay Poptlok đk 4.5mm                   | CKP-45xx             | Conmed Corporation                                | Mỹ             | Conmed Corporation       | Mỹ              | 1 Cái/Hộp         | Cái         | 7840NK/BYT-TB-CT                        | 83       | 11.500.000      | 954.500.000          |
| 31  | 5                 | 38               | 3                      | Vít chỉ neo khâu chớp xoay, đầu neo có đường kính khoảng 2.5mm đến 3mm, chỉ dùi siêu bền                              | Vít chỉ neo Y-Knot cổ định chớp xoay đường kính 2.8mm     | YRC02                | Conmed Corporation                                | Mỹ             | Conmed Corporation       | Mỹ              | 1 Cái/Hộp         | Cái         | 7840NK/BYT-TB-CT                        | 38       | 11.500.000      | 437.000.000          |
| 32  | 6                 | 39               | 3                      | Vít chỉ neo khâu sụn viên, đường kính đầu neo khoảng 1.3mm đến 2.0mm, thân uốn cong, chỉ siêu bền                     | Vít chỉ neo Y-Knot Flex khâu sụn viên các cỡ 1.3mm, 1.8mm | Y1301, Y1802         | Conmed Corporation                                | Mỹ             | Conmed Corporation       | Mỹ              | 1 Cái/Hộp         | Cái         | 7840NK/BYT-TB-CT                        | 25       | 12.000.000      | 300.000.000          |
|     |                   | <b>Tổng cộng</b> |                        | 6                                                                                                                     | danh mục                                                  |                      |                                                   |                |                          |                 |                   |             |                                         |          | <b>Giá trị:</b> | <b>4.347.500.000</b> |

*Handwritten signature/initials*



| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

**13. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang Y (Mã HSDX: 13)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                      | Tên thương mại                                                                                                                                                                  | Mã hàng                               | Hãng sản xuất              | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu            | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu                                               | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|---------------|----------------------------|-----------------|-------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 33  | 1                 | 104       | 3                      | Đĩa đệm cột sống cổ, có răng cưa, có sẵn xương                                                    | Vật liệu cấy ghép cột sống cổ và dụng cụ chuyên dùng (Đĩa đệm cột sống cổ NUBIC Peek bề mặt có răng cưa, các cỡ, có sẵn xương)                                                  | NBF041314 - NBF081314                 | Signus Medizintechnik GMBH | Germany       | Signus Medizintechnik GMBH | Germany         | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK số: 15798NK/BYT-TB-CT ngày 24/06/2020                                            | 5        | 13.500.000    | 67.500.000       |
| 34  | 2                 | 105       | 3                      | Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động                                                                    | Vật liệu cấy ghép cột sống cổ và dụng cụ chuyên dùng (Đĩa đệm cột sống cổ, khớp động, bằng Co Cr. Phủ Plasmapore ROTAIO các cỡ)                                                 | GA051513 - GA071713                   | Signus Medizintechnik GMBH | Germany       | Signus Medizintechnik GMBH | Germany         | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK số: 15798NK/BYT-TB-CT ngày 24/06/2020                                            | 15       | 68.000.000    | 1.020.000.000    |
| 35  | 3                 | 106       | 3                      | Đĩa đệm cột sống lưng hình móng ngựa, đầu vào hình viên đạn                                       | Đĩa đệm Tspace (Đĩa đệm cột sống lưng T-space Peek)                                                                                                                             | FJ317P-FJ693P, SJ907P- SJ943P         | Aesculap AG                | Germany       | Aesculap AG                | Germany         | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK số: 10932NK/BYT-TB-CT ngày 24/09/2018; GPNK số: 8428NK/BYT-TB-CT ngày 24/03/2018 | 15       | 13.950.000    | 209.250.000      |
| 36  | 4                 | 107       | 3                      | Vít cố định đơn/ đa trục, bơm xi măng, kèm kim đẩy xi măng, đường kính 4.5-> 8.5mm, dài 25-> 80mm | Vít đơn trục / vít đa trục (Vít đa trục / đơn trục thế hệ 3 trong 1 nắn chỉnh gù vẹo, bơm xi măng, bắt vít qua da ENNOVATE SCREW kèm kim đẩy xi măng Ennovate Injection Cannula | SY010TS - SY859TS + SR166SU / SR138SU | Aesculap AG                | Germany       | Aesculap AG                | Germany         | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK số: 14353NK/BYT-TB-CT ngày 27/12/2019                                            | 60       | 9.850.000     | 591.000.000      |
| 37  | 5                 | 108       | 3                      | Vít khóa trong của vít cố định đơn/ trục trong phẫu thuật cột sống lưng xâm lấn tối thiểu         | Đặt vít (Vít khóa trong Ennovate Set Screw dùng kèm vít đa trục / đơn trục thế hệ 3 trong 1 nắn chỉnh gù vẹo, bơm xi măng)                                                      | SY001TS                               | Aesculap AG                | Germany       | Aesculap AG                | Germany         | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK số: 14353NK/BYT-TB-CT ngày 27/12/2019                                            | 60       | 1.000.000     | 60.000.000       |
| 38  | 6                 | 109       | 3                      | Nẹp dọc cột sống lưng, dài 35 -> 500mm, đường kính 5.5mm                                          | Thanh dọc cột sống lưng (Nẹp dọc S4 Ennovate / prebent Rod 5,5 x 35-500mm, dùng kèm với vít S4 Ennovate)                                                                        | SY931TS - SY945TS; SY423TS            | Aesculap AG                | Germany       | Aesculap AG                | Germany         | Cái/ gói          | Cái         | GPNK số: 14353NK/BYT-TB-CT ngày 27/12/2019                                            | 30       | 4.900.000     | 147.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 6                                                                                                 | danh mục                                                                                                                                                                        |                                       |                            |               |                            |                 |                   |             |                                                                                       |          | Giá trị:      | 2.094.750.000    |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

14. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức (Mã HSDX: 14)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                                 | Tên thương mại          | Mã hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 39  | 1                 | 40        | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.0-> 5.0mm, dài 8-> 30mm                                                                         | Pantera LEO             | 366991; 366992; 366993; 366994; 366995; 366996; 366997; 366998; 366999; 367000; 367001; 367002; 367003; 367004; 367005; 367006; 367007; 367008; 367009; 367010; 367011; 367012; 367013; 367014; 367015; 367016; 367017; 367018; 367019; 367020; 367021; 367022; 367023; 367024; 367025; 367026; 367027; 367028; 367029; 367030; 367031; 367032; 367033; 367034; 367035; 367036; 367037; 367038; 367039; 367040; 367041; 367042; 367043; 367044; 367045                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Biotronik AG  | Thụy Sĩ       | Biotronik AG    | Thụy Sĩ         | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 16152 NK/BYT-TB-CT                      | 200      | 5.900.000     | 1.180.000.000    |
| 40  | 2                 | 41        | 3                      | Bóng nong mạch vành phủ thuốc áp lực thấp, đường kính 2.0-> 4.0mm, dài 10-> 30mm                                                             | Pantera Lux             | 365110; 365120; 365125; 365130; 365135; 365111; 365121; 365126; 365131; 365136; 365112; 365122; 365127; 365132; 365137; 365113; 365123; 365128; 365133; 365138; 365114; 365124; 365129; 365134; 365139                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Biotronik AG  | Thụy Sĩ       | Biotronik AG    | Thụy Sĩ         | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 18700 NK/BYT-TB-CT                      | 25       | 21.000.000    | 525.000.000      |
| 41  | 3                 | 42        | 3                      | Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, tự bung bằng nitinol có phủ silicon, đường kính 4-> 7mm                                                 | Pulsar-18 T3/ Pulsar-35 | 430437; 430438; 430439; 430440; 430441; 430442; 430443; 430444; 430445; 430446; 430447; 430448; 430449; 430450; 430451; 430452; 430453; 430454; 430455; 430456; 430457; 430458; 430459; 430460; 430461; 430462; 430463; 430464; 430465; 430466; 430467; 430468; 430469; 430470; 430471; 430472; 430473; 430474; 430475; 430476; 430477; 430478; 430479; 430480; 430481; 430482; 430483; 430484; 430485; 430486; 430487; 430488; 430489; 430490; 430491; 430492; 430493; 430494; 430495; 430496; 430497; 430498; 430499; 430500; 430501; 430502; 430503; 430504; 430505; 430506; 430507; 430508; 430509; 430510; 430511; 430512; 430513; 430514; 430515; 430516; 379878; 379879; 379880; 379881; 379883; 379884; 379885; 379886; 379888; 379889; 379890; 379891; 379898; 379899; 379900; 379901; 379903; 379904; 379905; 379906; 379908; 379909; 379910; 379911; 379917; 379918; 379919; 379920; 379921; 379922; 379923; 379924; 379925; 379926; 379927; 379928; 379929; 379930; 379931; 379937; 379938; 379939; 379940; 379941; 379942; 379943; 379944; 379945; 379946; 379947; 379948; 379949; 379950; 379951 | Biotronik AG  | Thụy Sĩ       | Biotronik AG    | Thụy Sĩ         | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 16035NK/BYT-TB-CT; 15744NK/BYT-TB-CT    | 10       | 29.980.000    | 299.800.000      |
| 42  | 4                 | 43        | 3                      | Stent có màng bọc chứa túi phình mạch vành, Cobalt - chrome phủ electrospun polyurethane, silicone carbide (probio), đường kính 2.5-> 5.0 mm | PK Papyrus              | 369380; 369381; 369382; 369383; 369384; 369385; 369386; 369387; 369388; 369389; 369390; 369391; 369392; 369393; 381789; 381790; 381791                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Biotronik AG  | Thụy Sĩ       | Biotronik AG    | Thụy Sĩ         | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 15845NK/BYT-TB-CT                       | 3        | 58.500.000    | 175.500.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 4                                                                                                                                            | danh mục                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |               |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.180.300.000    |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

**15. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế và Tư vấn môi trường Tâm Thy (Mã HSĐX: 15)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                             | Tên thương mại                            | Mã hàng                | Hãng sản xuất                                                  | Nước sản xuất      | Hãng chủ sở hữu  | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 43  | 1                 | 29        | 3                      | Van tim hai lá nhân tạo sinh học, lá van bằng màng ngoài tim heo, các cỡ | Van tim sinh học hai lá Epic Mitral Valve | E100-xxM (các kích cỡ) | St. Jude Medical Costa Rica Ltda/ St. Jude Medical Brasil Ltda | Costa Rica/ Brazil | St. Jude Medical | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 2100422ĐKLH/BYT-TB-CT                   | 10       | 52.000.000    | 520.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 1                                                                        | danh mục                                  |                        |                                                                |                    |                  |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 520.000.000      |

**16. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y tế Khuê Việt (Mã HSĐX: 16)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                 | Tên thương mại                                                                  | Mã hàng    | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 44  | 1                 | 55       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, lỗ khóa đơn hình tròn           | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, đơn trục, phải/trái, titan.                        | 900.5943xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 5        | 8.350.000     | 41.750.000       |
| 45  | 2                 | 56       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới xương quay mặt lòng, lỗ khóa đơn hình tròn | Nẹp khóa đầu dưới xương quay ELEGANTUS, đơn trục, titan.                        | 750.5921xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 10       | 5.300.000     | 53.000.000       |
| 46  | 3                 | 57       | 3                      | Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, lỗ khóa đơn hình tròn      | Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, đơn trục, titan.                              | 900.5901xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 6        | 8.200.000     | 49.200.000       |
| 47  | 4                 | 58       | 3                      | Nẹp khóa đầu trên xương chày, lỗ khóa đơn hình tròn          | Nẹp khóa đầu trên xương chày, mâm chày trong/ngoài, đơn trục, phải/trái, titan. | 900.596xx  | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 15       | 8.400.000     | 126.000.000      |
| 48  | 5                 | 59       | 3                      | Nẹp khóa lồng máng, lỗ khóa đơn hình tròn                    | Nẹp khóa lồng máng 1/3, đơn trục, titan.                                        | 750.5984xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 10       | 4.700.000     | 47.000.000       |
| 49  | 6                 | 60       | 3                      | Nẹp khóa xương cẳng tay, lỗ khóa đơn                         | Nẹp khóa bàn nhỏ, đơn trục, dùng cho vết gãy nhỏ, titan.                        | 900.5250xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 4        | 4.850.000     | 19.400.000       |
| 50  | 7                 | 61       | 3                      | Nẹp khóa xương đòn, lỗ khóa đơn hình tròn                    | Nẹp khóa xương đòn, đơn trục, cong, phải/trái, titan.                           | 750.5987xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 10       | 6.100.000     | 61.000.000       |
| 51  | 8                 | 62       | 3                      | Vít khóa đường kính 3.5mm                                    | Vít khóa xương cứng D 3.5mm, titan, đầu tròn ren, HD 5.3 mm, tự taro.           | 750.3338xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 100      | 410.000       | 41.000.000       |
| 52  | 9                 | 63       | 3                      | Vít khóa đường kính 4.5 mm                                   | Vít khóa xương cứng D 4.5mm, titan, đầu tròn ren, tự taro.                      | 750.3440xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 80       | 470.000       | 37.600.000       |
| 53  | 10                | 64       | 3                      | Vít vô đường kính 3.5mm                                      | Vít xương cứng D 3,5mm, titan, tự taro.                                         | 750.3360xx | Interqus      | Đức           | Interqus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 200      | 385.000       | 77.000.000       |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục            | Tên thương mại                                                     | Mã hàng    | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 54  | 11                | 65        | 3                      | Vít xỏ đường kính 3.5mm | Vít khóa xương xỏ D 3,5mm, titan, đầu tròn ren, HD 5.3mm, tự taro. | 750.3339xx | Intercus      | Đức           | Intercus        | Đức             | Gói/ 1 cái        | Cái         | GPNK 11850NK/BYT-TB-CT                  | 80       | 450.000       | 36.000.000       |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 11                      | danh mục                                                           |            |               |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 588.950.000      |

17. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ H.T.L (Mã HSDX: 17)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                              | Tên thương mại                                                                           | Mã hàng                                                                                                                                                                     | Hãng sản xuất                                                                                                                                                     | Nước sản xuất                                                                                         | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 55  | 1                 | 120       | 3                      | Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 30-> 32 g | Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng ATTESTA DR, có đáp ứng, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn | - Máy tạo nhịp vĩnh viễn: 1 cái: ATTESTA DR (ATDR01)<br>- Dây điện cực tạo nhịp: 2 cái (5076-58/5076-52/4076-58/4076-52)<br>- Ống thông dẫn đường/kim chọc: 2 cái (6207-S1) | - Máy tạo nhịp vĩnh viễn, dây điện cực tạo nhịp: Medtronic Singapore Operations Pte, Ltd<br>- Ống thông dẫn đường/ kim chọc: Greatbatch Medical, S. de R.L de C.V | - Máy tạo nhịp vĩnh viễn, dây điện cực tạo nhịp: Singapore<br>- Ống thông dẫn đường/ kim chọc: Mexico | Medtronic Inc   | Mỹ              | 1 bộ/hộp          | Bộ          | 17992NK/ BYT-TB-CT                      | 6        | 125.000.000   | 750.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 1                                                                         | danh mục                                                                                 |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                   |                                                                                                       |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 750.000.000      |

18. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Đức Tín (Mã HSDX: 18)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                               | Tên thương mại                               | Mã hàng     | Hãng sản xuất  | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 56  | 1                 | 98        | 3                      | Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao, đường kính 1.5-> 4.5mm, dài 10-> 20mm | Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao - OPN NC | xx0-0xx-004 | SIS Medical AG | Thụy Sĩ       | SIS Medical AG  | Thụy Sĩ         | Hộp/ 1 Bộ         | Bộ          | 4369NK/BYT-TB-CT                        | 38       | 7.600.000     | 288.800.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 1                                                                          | danh mục                                     |             |                |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 288.800.000      |

19. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết bị y tế Đình Cao (Mã HSDX: 19)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                | Tên thương mại                           | Mã hàng                       | Hãng sản xuất                   | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 57  | 1                 | 77        | 4                      | Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 3-> 10mm, dài 20->300mm | Bóng nong mạch ngoại biên Admiral Xtreme | SBLxxxxxxxx                   | Medtronic Mexico S de R.L de CV | Mexico        | Invatec S.P.A   | Ý               | 01 Cái/Hộp        | Cái         | 16329NK/BYT-TB-CT                       | 12       | 7.500.000     | 90.000.000       |
| 58  | 2                 | 78        | 3                      | Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác        | Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên Spider FX | SPD2-xxx-xxx/ SPD2-US-xxx-xxx | EV3 Inc                         | Mỹ            | EV3 Inc         | Mỹ              | 01 Cái/Hộp        | Cái         | 11858NK/BYT-TB-CT                       | 12       | 26.000.000    | 312.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 2                                                                           | danh mục                                 |                               |                                 |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 402.000.000      |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục | Tên thương mại | Mã hàng | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------|----------------|---------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|

**20. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần trang thiết bị y tế Hạnh Nguyên (Mã HSDX: 20)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC         | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                     | Tên thương mại                                                | Mã hàng    | Hãng sản xuất        | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu      | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND)   | Thành tiền (VND)   |
|-----|-------------------|------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|----------------------|---------------|----------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|-----------------|--------------------|
| 59  | 1                 | 100              | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2-> 5mm, dài 8-> 20mm | Bóng Nong Động Mạch Vành Áp Lực Cao Vecchio (Tất cả các size) | 802 - XXXX | Cnovate Medical B.V. | Hà Lan        | Cnovate Medical B.V. | Hà Lan          | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 2200047DKLH/BYT-TB-CT ngày 15/11/2022   | 100      | 7.700.000       | 770.000.000        |
|     |                   | <b>Tổng cộng</b> |                        | 1                                                                | danh mục                                                      |            |                      |               |                      |                 |                   |             |                                         |          | <b>Giá trị:</b> | <b>770.000.000</b> |

**21. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín (Mã HSDX: 21)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                            | Tên thương mại                     | Mã hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hãng sản xuất      | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu    | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|--------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 60  | 1                 | 8        | 3                      | Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính từ 1.5 -> 6 mm, dài từ 15 -> 120 mm | Bóng nong mạch ngoại biên Jade     | 515-015-41, 515-020-41, 515-040-41, 515-080-41, 515-120-41, 520-015-41, 520-020-41, 520-040-41, 520-080-41, 520-120-41, 525-020-41, 525-040-41, 525-080-41, 525-120-41, 530-015-41, 530-020-41, 530-040-41, 530-080-41, 530-120-41, 535-020-41, 535-040-41, 535-080-41, 535-120-41, 540-015-41, 540-020-41, 540-040-41, 540-080-41, 540-120-41, 545-020-41, 545-040-41, 545-080-41, 545-120-41, 550-015-41, 550-020-41, 550-040-41, 550-080-41, 550-120-41, 555-020-41, 555-040-41, 555-080-41, 560-015-41, 560-020-41, 560-040-41, 560-080-41                                                                         | OrbusNeich Medical | Hà Lan        | OrbusNeich Medical | Hà Lan          | Hộp/ 1 Bộ         | Bộ          | 14519NK/BYT-TB-CT                       | 20       | 8.400.000     | 168.000.000      |
| 61  | 2                 | 9        | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 1.75 -> 5mm, dài 8-> 18mm                    | Bóng nong mạch vành Sapphire II NC | 117-1708, 117-1710, 117-1712, 117-1715, 117-1718, 117-2008, 117-2010, 117-2012, 117-2015, 117-2018, 117-2208, 117-2210, 117-2212, 117-2215, 117-2218, 117-2508, 117-2510, 117-2512, 117-2515, 117-2518, 117-2708, 117-2710, 117-2712, 117-2715, 117-2718, 117-3008, 117-3010, 117-3012, 117-3015, 117-3018, 117-3208, 117-3210, 117-3212, 117-3215, 117-3218, 117-3508, 117-3510, 117-3512, 117-3515, 117-3518, 117-3708, 117-3710, 117-3712, 117-3715, 117-3718, 117-4008, 117-4010, 117-4012, 117-4015, 117-4018, 117-4508, 117-4510, 117-4512, 117-4515, 117-4518, 117-5008, 117-5010, 117-5012, 117-5015, 117-5018 | OrbusNeich Medical | Hà Lan        | OrbusNeich Medical | Hà Lan          | Hộp/ 1 Bộ         | Bộ          | 3967NK/BYT-TB-CT                        | 200      | 7.900.000     | 1.580.000.000    |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                  | Tên thương mại                                                                               | Mã hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hãng sản xuất        | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu      | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------|----------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 62  | 3                 | 10       | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực thấp, bằng nylon, đường kính 1.0-> 4.0mm, dài 5-> 30mm             | Bóng nong mạch vành Sapphire II PRO                                                          | 210-053-SU, 210-083-SU, 210-103-SU, 210-153-SU, 212-053-SU, 212-083-SU, 212-103-SU, 212-153-SU, 215-103-SU, 215-123-SU, 215-153-SU, 215-203-SU, 217-103-SU, 217-153-SU, 217-203-SU, 220-103-SU, 220-123-SU, 220-153-SU, 220-203-SU, 222-103-SU, 222-153-SU, 222-203-SU, 225-103-SU, 225-123-SU, 225-153-SU, 225-203-SU, 225-303-SU, 227-103-SU, 227-153-SU, 227-203-SU, 230-103-SU, 230-123-SU, 230-153-SU, 230-203-SU, 230-303-SU, 232-103-SU, 232-153-SU, 232-203-SU, 235-103-SU, 235-153-SU, 235-203-SU, 235-303-SU, 240-103-SU, 240-153-SU, 240-203-SU | OrbusNeich Medical   | Hà Lan        | OrbusNeich Medical   | Hà Lan          | Hộp/ 1 Bộ         | Bộ          | 3967NK/BYT-TB-CT                        | 257      | 7.900.000     | 2.030.300.000    |
| 63  | 4                 | 11       | 3                      | Bóng nong mạch vành có hệ thống dây dẫn kép, đường kính 1.75-> 4.0mm, dài 10-> 20mm           | Bóng nong mạch vành dây dẫn kép Scoreflex NC                                                 | 617-104-1, 617-154-1, 617-204-1, 620-104-1, 620-154-1, 620-204-1, 622-104-1, 622-154-1, 622-204-1, 625-104-1, 625-154-1, 625-204-1, 627-104-1, 627-154-1, 627-204-1, 630-104-1, 630-154-1, 630-204-1, 635-104-1, 635-154-1, 635-204-1, 640-104-1, 640-154-1, 640-204-1                                                                                                                                                                                                                                                                                     | OrbusNeich Medical   | Hà Lan        | OrbusNeich Medical   | Hà Lan          | Hộp/ 1 Bộ         | Bộ          | 11348NK/BYT-TB-CT                       | 64       | 10.000.000    | 640.000.000      |
| 64  | 5                 | 12       | 3                      | Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, các cỡ                                   | Van tim nhân tạo Carpentier-Edwards® PERIMOUNT® Magna Mitral Ease™ Pericardial Bioprosthesis | 7300TFX                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Edwards Lifesciences | Mỹ            | Edwards Lifesciences | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 13789NK/BYT-TB-CT                       | 10       | 86.000.000    | 860.000.000      |
| 65  | 6                 | 13       | 6                      | Ví dây dẫn can thiệp mạch vành mềm, đường kính 0.014"                                         | Ví dây dẫn can thiệp tim mạch (Extension wire, Grand Slam, SION, SION blue, SION blue ES)    | AG149000, AG149001, AG141002, AG141302, AG141002J, AHW14R001S, AHW14R301S, AHW14R001J, AHW14R301J, AHW14R004S, AHW14R304S, AHW14R004J, AHW14R304J, AHW14R017S, AHW14R317S, AHW14R017J, AHW14R317J                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Asahi Intecc         | Thái Lan      | Asahi Intecc         | Nhật Bản        | Gói/1 cái         | Cái         | 9773NK/BYT-TB-CT                        | 500      | 2.300.000     | 1.150.000.000    |
| 66  | 7                 | 14       | 6                      | Ví ống thông can thiệp mạch vành, đầu tip thuận 1.4F                                          | Ví ống thông can thiệp tim mạch Asahi Caravel                                                | CRV135-19P, CRV150-19P                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Asahi Intecc         | Thái Lan      | Asahi Intecc         | Nhật Bản        | Gói/1 cái         | Cái         | 5388NK/BYT-TB-CT                        | 50       | 11.000.000    | 550.000.000      |
| 67  | 8                 | 15       | 6                      | Ví ống thông can thiệp mạch vành, 2 nông, thiết kế ống hình bầu dục                           | Ví ống thông can thiệp tim mạch Asahi Sasuke                                                 | SA145-33N                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Asahi Intecc         | Thái Lan      | Asahi Intecc         | Nhật Bản        | Hộp/1 cái         | Cái         | 11047NK/BYT-TB-CT                       | 10       | 12.000.000    | 120.000.000      |
| 68  | 9                 | 16       | 6                      | Ví ống thông hỗ trợ đi qua tổn thương CTO, đầu tip thuận 1.3Fr, 1.8 Fr                        | Ví ống thông can thiệp tim mạch Asahi (Corsair, Corsair Pro)                                 | CSW135-26N, CSW150-26N, CSW090-26N, CSR135-26P, CSR150-26P                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Asahi Intecc         | Thái Lan      | Asahi Intecc         | Nhật Bản        | Gói/1 cái         | Cái         | 9437NK/BYT-TB-CT                        | 15       | 15.500.000    | 232.500.000      |
| 69  | 10                | 17       | 3                      | Vòng van tim hai lá nhân tạo hình yên ngựa, lõi cứng phần trước, mềm phần sau, cỡ 24 -> 40 mm | Vòng van tim Carpentier-Edwards Physio® II Ring                                              | 5200                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Edwards Lifesciences | Mỹ            | Edwards Lifesciences | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 13790NK/BYT-TB-CT                       | 10       | 25.000.000    | 250.000.000      |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                        | Tên thương mại                                                       | Mã hàng | Hãng sản xuất        | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu      | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|----------------------|---------------|----------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 70  | 11                | 18        | 3                      | Vòng van tim ba lá nhân tạo mềm dẻo có chọn lọc, hình dạng lược sóng 3D, thiết kế hở, cỡ 24 → 36 mm | Vòng van tim Carpentier-Edwards™ Physio Tricuspid™ Annuloplasty Ring | 6200    | Edwards Lifesciences | Mỹ            | Edwards Lifesciences | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 13790NK/BYT-TB-CT                       | 20       | 25.000.000    | 500.000.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 11                                                                                                  | danh mục                                                             |         |                      |               |                      |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 8.080.800.000    |

**22. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại thiết bị y tế An Pha (Mã HSDX: 22)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                         | Tên thương mại                                                                           | Mã hàng     | Hãng sản xuất                                                | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 71  | 1                 | 83        | 3                      | Van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim heo         | Van động mạch chủ sinh học qua da Evolut R kèm hệ thống chuyển van nạp van               | EVOLUTR-xxx | Medtronic CoreValve LLC và Medtronic Ireland                 | Mỹ/Ireland    | Medtronic INC   | Mỹ              | Hộp/ 1 cái        | Cái         | 14843NK/BYT-TB-CT, ngày 12/03/2020      | 9        | 600.000.000   | 5.400.000.000    |
| 72  | 2                 | 124       | 4                      | Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15 - 21Fr | Cannula động mạch đùi loại BioMedicus NextGen Femoral Arterial Cannulae cỡ 15-17-19-21Fr | 96570-1xx   | Medtronic Mexico S.de R.L de CV/ Medtronic Perfusion Systems | Mexico/USA    | Medtronic Inc,  | Mỹ              | Hộp/1 cái         | Cái         | 8152NK/BYT-TB-CT                        | 20       | 13.302.000    | 266.040.000      |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 2                                                                    | danh mục                                                                                 |             |                                                              |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 5.666.040.000    |

**23. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Sing (Mã HSDX: 23)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                            | Tên thương mại                                                                 | Mã hàng                              | Hãng sản xuất                              | Nước sản xuất          | Hãng chủ sở hữu        | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 73  | 1                 | 1        | 3                      | Chi bên siêu bền da sợi dùng trong nội soi khớp vai và gối              | Chi không tiêu ULTRABRAID                                                      | ULTRABRAID/ 721091....               | Smith & Nephew, Inc.                       | Mỹ, Costa Rica, Mexico | Smith & Nephew, Inc.   | Mỹ              | Cái/hộp           | Cái         | 18473NK/BYT-TB-CT ngày 09/08/2021       | 30       | 1.950.000     | 58.500.000       |
| 74  | 2                 | 2        | 3                      | Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio cao tần, đường kính 5mm                    | Lưỡi cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần Ambient Super Turbo Vac 90             | Ambient Super Turbo Vac/ ASHA4250-01 | ArthroCare Corporation; Smith & Nephew Inc | Mỹ, Costa Rica         | ArthroCare Corporation | Mỹ              | Cái/hộp           | Cái         | 18402NK/BYT-TB-CT ngày 02/08/2021       | 70       | 6.470.000     | 452.900.000      |
| 75  | 3                 | 3        | 3                      | Vít chi neo khâu chớp xoay, bằng PLLA phủ HA, chỉ đối, ren chuyển tiếp. | Vít chi neo đối, tự tiêu, khâu chớp xoay TWINFIX ULTRA HA                      | TWINFIX ULTRA HA/72202...            | Smith & Nephew, Inc.                       | Mỹ, Costa Rica         | Smith & Nephew, Inc.   | Mỹ              | Cái/hộp           | Cái         | 18471NK/BYT-TB-CT ngày 09/08/2021       | 77       | 7.550.000     | 581.350.000      |
| 76  | 4                 | 4        | 3                      | Vít chi neo khâu sụn viên, bằng PLLA, 2 sợi siêu bền.                   | Vít neo khớp vai tự tiêu OSTEORAPTOR đường kính 2.9mm có phủ HA, kèm 2 sợi chỉ | OSTEORAPTOR/ 7220...                 | Smith & Nephew, Inc.                       | Mỹ, Costa Rica         | Smith & Nephew, Inc.   | Mỹ              | Cái/hộp           | Cái         | 18471NK/BYT-TB-CT ngày 09/08/2021       | 50       | 13.000.000    | 650.000.000      |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                   | Tên thương mại                                               | Mã hàng                  | Hãng sản xuất          | Nước sản xuất  | Hãng chủ sở hữu        | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------|------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 77  | 5                 | 5         | 3                      | Vít neo tái tại dây chằng chéo trước tự chỉnh độ dài, vòng treo dài tối đa 105mm, vòng treo bao bọc tránh tổn thương gân ghép. | Vít neo cố định dây chằng điều chỉnh được độ dài ULTRABUTTON | ULTRABUTTON/<br>72290003 | ArthroCare Corporation | Mỹ, Costa Rica | ArthroCare Corporation | Mỹ              | Gói/hộp           | Cái         | 18705NK/BYT-TB-CT ngày 10/09/2021       | 140      | 15.150.000    | 2.121.000.000    |
| 78  | 6                 | 6         | 3                      | Xi măng hóa học thành phần có kháng sinh Gentamycine, có chất chỉ thị màu                                                      | Xi măng có kháng sinh PALACOS MV + G                         | PALACOS MV+G/6603199...  | Heraeus Medical GmbH   | Đức            | Heraeus Medical GmbH   | Đức             | Hộp/1 lọ          | Lọ          | 18468NK/BYT-TB-CT ngày 09/08/2021       | 16       | 4.100.000     | 65.600.000       |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 6                                                                                                                              | danh mục                                                     |                          |                        |                |                        |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 3.929.350.000    |

**24. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật An Pha (Mã HSDX: 24)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                               | Tên thương mại                                                     | Mã hàng                                                                    | Hãng sản xuất             | Nước sản xuất         | Hãng chủ sở hữu           | Nước chủ sở hữu       | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 79  | 1                 | 44       | 3                      | Đĩa đệm cột sống cổ chuyển động sinh lý 6 mặt phẳng                                        | Đĩa đệm cổ nhân tạo Move-C                                         | MC516 → MC818                                                              | NGMedical GmbH            | Đức                   | NGMedical GmbH            | Đức                   | Hộp/1 cái         | Cái         | GPBK số: 17532NK/BYT-TB-CT              | 6        | 68.000.000    | 408.000.000      |
| 80  | 2                 | 45       | 3                      | Xương nhân tạo dạng bơm dung tích 5ml                                                      | Xương nhân tạo HA dạng gel bơm (paste), 5cc                        | 08000050                                                                   | Exabone GmbH              | Thụy Sĩ               | Exabone GmbH              | Thụy Sĩ               | hộp/ gói          | hộp         | GPBK số: 15683NK/BYT-TB-CT              | 10       | 4.500.000     | 45.000.000       |
| 81  | 3                 | 46       | 3                      | Xương nhân tạo HA/TCP, kích thước hạt xương từ 1-4mm, dung tích 10ml                       | Xương nhân tạo Exabone HA/TCP, dạng hạt Granules 1-4mm, 10cc       | 01000100                                                                   | Exabone GmbH              | Thụy Sĩ               | Exabone GmbH              | Thụy Sĩ               | hộp/ gói          | hộp         | GPBK số: 15683NK/BYT-TB-CT              | 23       | 4.000.000     | 92.000.000       |
| 82  | 4                 | 47       | 3                      | Đinh kirschner hai đầu nhọn                                                                | Đinh kirschner Lawton một đầu nhọn                                 | 48-1830 → 48-1842; 48-1880 → 48-1892; 48-2060 → 48-2072; 48-2080 → 48-2092 | Lawton GmbH & Co. KG      | Đức                   | Lawton GmbH & Co. KG      | Đức                   | 10 cái/ gói       | Cái         | GPBK số: 12482/NKBYT-TB-CT              | 100      | 85.000        | 8.500.000        |
| 83  | 5                 | 48       | 4                      | Đinh nội tuỷ đầu trên xương đùi, đường kính 9 đến 12mm, có vít chốt khóa                   | Bộ đinh đầu trên xương đùi Canwell các cỡ                          | 135406517 → 135404742 (Model: SDG04)                                       | CANWELL MEDICAL CO., LTD. | Trung Quốc            | CANWELL MEDICAL CO., LTD. | Trung Quốc            | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 13374NK/BYT-TB-CT              | 7        | 12.000.000    | 84.000.000       |
| 84  | 6                 | 49       | 6                      | Nẹp dọc cột sống lưng đi kèm vít cột sống lưng rộng nông, dài 50 → 200mm, đường kính 6.0mm | Nẹp dọc tương thích vít cột sống mô xâm lấn tối thiểu LnK          | 2526-6035 → 2526-60120; 2516-60100 → 2516-60200                            | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 8587NK/BYT-TB-CT               | 30       | 3.000.000     | 90.000.000       |
| 85  | 7                 | 50       | 6                      | Vít cột sống lưng đa trục (kiểu 1/4 ống)                                                   | Vít đa trục mô ít xâm lấn nova MISS kiểu 1/4 ống có lỗ bơm xi măng | 663-5530Z → 663-7560Z                                                      | Baui Biotech Company Ltd. | Đài Loan (Trung Quốc) | Baui Biotech Company Ltd. | Đài Loan (Trung Quốc) | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 14728NK/BYT-TB-CT              | 30       | 10.500.000    | 315.000.000      |
| 86  | 8                 | 51       | 6                      | Vít cột sống lưng rộng nông, dài 30-60mm, đường kính 5.5 → 7.5mm,                          | Vít cột sống lưng mô ít xâm lấn LnK PathLoc-L MISS                 | 2712-5530 → 2712-7560; 2707-5530 → 2707-7560                               | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 8587NK/BYT-TB-CT               | 60       | 8.500.000     | 510.000.000      |
| 87  | 9                 | 52       | 6                      | Vít khóa trong vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, đường kính 9.7mm, cao 5.6mm | Vít khóa trong LnK OpenLoc-L                                       | 1308-0000                                                                  | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | L&K Biomed Co., Ltd.      | Hàn Quốc              | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 8587NK/BYT-TB-CT               | 40       | 500.000       | 20.000.000       |
| 88  | 10                | 53       | 6                      | Vít khóa trong vít đa trục (kiểu 1/4 ống) trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn        | Vít khóa trong Nova MISS                                           | 156-1216                                                                   | Baui Biotech Company Ltd. | Đài Loan (Trung Quốc) | Baui Biotech Company Ltd. | Đài Loan (Trung Quốc) | Gói/1 cái         | Cái         | GPBK số: 14728NK/BYT-TB-CT              | 30       | 500.000       | 15.000.000       |



| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                      | Tên thương mại                   | Mã hàng                                                                                                                                                                         | Hãng sản xuất             | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu           | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|---------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 89  | 11                | 54        | 6                      | Vít rộng đường kính 2.5 đến 6.5mm | Vít rộng đầu chìm Canwell các cỡ | 134713008 → 134713030; 134623010 → 134623030; 134823016 → 134823030; 134923016 → 134923034; 134223020 → 134223050; 134023025 → 134023060; 134323340 → 134323420 (Model: GJYD X) | CANWELL MEDICAL CO., LTD. | Trung Quốc    | CANWELL MEDICAL CO., LTD. | Trung Quốc      | cái/ gói          | Cái         | GPNK số: 13374NK/BYT-TB-CT              | 6        | 2.800.000     | 16.800.000       |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 11                                | danh mục                         |                                                                                                                                                                                 |                           |               |                           |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 1.604.300.000    |

**25. Tên nhà thầu: Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam (Mã HSDX: 25)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                    | Tên thương mại                                  | Mã hàng                                                                                                                                | Hãng sản xuất                                                                     | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu            | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 90  | 1                 | 69        | 4                      | Dây dẫn đo áp lực trữ lượng mạch vành có sensor cảm ứng                         | Verrata Plus                                    | 10185, 10185P, 10185JP, 10185J                                                                                                         | Volcano Corporation by Volcarica S.R.L - Costa Rica / Philip de Costa Rica S.R.L. | Costa Rica    | Volcano Corporation        | USA             | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | 10420NK/BYT-TB-CT                       | 10       | 23.000.000    | 230.000.000      |
| 91  | 2                 | 70        | 3                      | Dụng cụ mở đường vào động mạch đường đùi, cỡ 4 > 8Fr                            | Prelude (Femoral)                               | PSI-5F-11-038-18G, PSI-6F-11-038-18G, PSI-7F-11-038-18G, PSI-8F-11-038-18G, PSI-5F-11-038, PSI-6F-11-038, PSI-7F-11-038, PSI-8F-11-038 | Merit Medical Systems, Inc - Mỹ                                                   | Mỹ            | Merit Medical Systems, Inc | Mỹ              | Hộp/5 bộ          | Bộ          | 220000353/PCB B-BYT                     | 300      | 430.000       | 129.000.000      |
| 92  | 3                 | 71        | 3                      | Lưỡi bảo khớp nội soi đường kính 3.5 đến 5.5mm                                  | Lưỡi bảo ổ khớp Rapidcut Blade                  | HNH-32-1503xx                                                                                                                          | HNH Medical                                                                       | Mỹ            | HNH Medical                | Mỹ              | Hộp/ 1 Cái        | Cái         | 220001085/PCB B-HCM                     | 25       | 4.200.000     | 105.000.000      |
| 93  | 4                 | 72        | 3                      | Khớp vai toàn phần nhân tạo dạng ngược không xi măng, titanium                  | Khớp vai toàn phần không xi măng SMR Reverse    | 1304.15.xxx<br>1352.xxx.xxx<br>1360.50.xxx<br>1374.09.xxx<br>1375.20.xxx<br>1374.15.3xx<br>8420.15.xxx                                 | Lima Corporate S.p.A                                                              | Ý             | Lima Corporate S.p.A       | Ý               | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | 14893NK/BYT-TB-CT và 16409NK/BYT-TB-CT  | 3        | 133.000.000   | 399.000.000      |
| 94  | 5                 | 73        | 3                      | Vít neo tái tạo dây chằng chéo trước tự chỉnh độ dài, có loại nút chặn dài 20mm | Vít neo cố định dây chằng chéo free size Pullup | PULLU01201<br>PULXL01202                                                                                                               | SBM S.A.S.                                                                        | Pháp          | SBM S.A.S.                 | Pháp            | Gói/ 1 cái        | Cái         | 14533NK/BYT-TB-CT                       | 100      | 12.000.000    | 1.200.000.000    |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 5                                                                               | danh mục                                        |                                                                                                                                        |                                                                                   |               |                            |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.063.000.000    |

**26. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Trảng Thi (Mã HSDX: 26)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                      | Tên thương mại                                                                                                | Mã hàng                   | Hãng sản xuất                                                                 | Nước sản xuất    | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 95  | 1                 | 102      | 3                      | Điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại dùng cho can thiệp thử nghiệm dưới da | Bộ điện cực cấy ghép kích thích tủy sống, loại dùng cho can thiệp thử nghiệm dưới da (SCS) và phụ kiện đi kèm | 977D160 or 977D260, 97725 | Medtronic Puerto Rico Operations Co., Villalba/ Plexus Manufacturing Sdn, Bhd | Hoa Kỳ/ Malaysia | Medtronic Inc   | Mỹ              | Hộp/ 1cái         | cái         | GPNK: 11532NK/BYT-TB-CT                 | 2        | 55.000.000    | 110.000.000      |

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC  | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                          | Tên thương mại                                       | Mã hàng                                                                               | Hãng sản xuất                                                                                                                                                   | Nước sản xuất      | Hãng chủ sở hữu         | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 96  | 2                 | 103       | 3                      | Bộ thiết bị kích thích não sâu (gồm điều khiển trung tâm, bộ lập trình, dây nối dài, dây cáp, vi điện cực), pin sạc sử dụng nhiều lần | Bộ thiết bị cấy ghép DBS, model ACTIVA RC (thay mới) | ACTIVA RC (FC1020, 34680, 3389S-40, 37086-60, 3755-40, 3550-67, 37612, 37642, RS6200) | Medtronic Puerto Rico Operations Co., Juncos/ Medtronic Neuromodulation/ Medtronic Puerto Rico Operations Co., Villalba/ FHC, Inc/ Jabil Circuit (Shanghai) Ltd | Hoa Kỳ/ Trung Quốc | Medtronic Inc./FHC, Inc | Mỹ              | Hộp/ 1 bộ         | Bộ          | GPNK: 11407NK/BYT-TB-CT                 | 3        | 750.000.000   | 2.250.000.000    |
|     |                   | Tổng cộng |                        | 2                                                                                                                                     | danh mục                                             |                                                                                       |                                                                                                                                                                 |                    |                         |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.360.000.000    |

27. Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại - dịch vụ và sản xuất Việt Tường (Mã HSDX: 27)

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                               | Tên thương mại                                                                                                                             | Mã hàng                                                                                                                                             | Hãng sản xuất  | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 97  | 1                 | 84       | 3                      | Khớp háng toàn phần không xi măng, chôn ceramic lót polyethylene, vành ổ cối có đỉnh cố định chống lật và chống xoay       | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyên động đôi QUATTRO PNP, Ceramic on Poly (COP)                                                       | H015 0008 -> H015 0016; HQNOC848 -> HQNOC860; HQNOM848 -> HQNOM860; HQNOL848 -> HQNOL860; HQCHC144 -> HQCHC160                                      | Groupe Lepine  | Pháp          | Groupe Lepine   | Pháp            | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | GPNK 9737NK/BYT-TB-CT ngày 11/6/2018    | 10       | 75.000.000    | 750.000.000      |
| 98  | 2                 | 85       | 3                      | Khớp háng toàn phần không xi măng, chôn thép không gỉ lót polyethylene, vành ổ cối có đỉnh cố định chống lật và chống xoay | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyên động đôi QUATTRO PNP, Metal on Poly (MOP)                                                         | H015 0008 -> H015 0016; HIT CC422; HIT CC428; HIT CM422; HIT CL422; HIT CL428; HQCHC144 -> HQCHC160; HQN DP244 -> HQN DP260; HQN DM848 -> HQN DM860 | Groupe Lepine  | Pháp          | Groupe Lepine   | Pháp            | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | GPNK 9737NK/BYT-TB-CT ngày 11/6/2018    | 6        | 65.350.000    | 392.100.000      |
| 99  | 3                 | 86       | 3                      | Khớp háng bán phần không xi măng, rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay                                                | Khớp háng bán phần không xi măng UHL-PAVI                                                                                                  | H015 0008 -> H015 0016; UHL-22-38 -> UHL-28-60; HIT CC422; HIT CC428; HIT CM422; HIT CM428; HIT CL422; HIT CL428                                    | Groupe Lepine  | Pháp          | Groupe Lepine   | Pháp            | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | GPNK 9737NK/BYT-TB-CT ngày 11/6/2018    | 5        | 45.300.000    | 226.500.000      |
| 100 | 4                 | 87       | 3                      | Bộ trộn và phân phối xi măng hóa học bơm thần sống                                                                         | Bộ trộn và phân phối xi măng đóng gói tiết trùng sẵn - Mini-Malax mixing and injection system for bone cement                              | T060406                                                                                                                                             | Teknimed SAS   | Pháp          | Teknimed SAS    | Pháp            | Gói/ 1 bộ         | Bộ          | PTN 190001024/PCB A-HCM ngày 20/9/2019  | 20       | 5.900.000     | 118.000.000      |
| 101 | 5                 | 88       | 3                      | Khóa thép với miếng đệm titanium                                                                                           | Khóa thép với miếng đệm titanium BATBRIDGE Cerclage wire                                                                                   | 32.0001; 32.0003                                                                                                                                    | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Hộp/1 cái         | Cái         | GPNK 18379NK/BYT-TB-CT ngày 15/7/2021   | 15       | 6.400.000     | 96.000.000       |
| 102 | 6                 | 89       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                                                                 | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - Distal femur periaricular plate (nẹp khóa bao quanh ổ khớp (gối), đầu dưới xương đùi)                        | 152.3001; 152.3002; 152.3003; 152.3004; 152.3007; 152.3008                                                                                          | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 2        | 13.000.000    | 26.000.000       |
| 103 | 7                 | 90       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới xương quay, ron vít khóa bên trong lỗ nẹp                                                                | Nẹp khóa đầu dưới xương quay - WRJSTAR radius volar plate                                                                                  | 120.9003; 120.9004; 120.9005; 120.9006; 120.9007; 120.9008                                                                                          | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 5        | 11.850.000    | 59.250.000       |
| 104 | 8                 | 91       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay                                                                                     | Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay - Distal humerus medial plate short/ medium (Nẹp khóa đầu dưới, hòm khuỷu mặt trong xương cánh tay) | 133.1005; 133.1006                                                                                                                                  | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Hộp/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 3        | 12.200.000    | 36.600.000       |

| Stt       | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                   | Tên thương mại                                                                                                                                 | Mã hàng                                | Hãng sản xuất  | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|-------------------|----------|------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 105       | 9                 | 92       | 3                      | Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay     | Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay - Distal humerus lateral plate short/ medium (Nẹp khóa đầu dưới, hòm khuyết mặt bên xương cánh tay) | 133.1007; 133.1008; 133.1009; 133.1010 | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Hộp/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 3        | 12.200.000    | 36.600.000       |
| 106       | 10                | 93       | 3                      | Nẹp khóa xương đùi dùng cho gãy quanh chuôi    | Nẹp khóa bao quanh chuôi xương đùi - IRON LADY One short/ Plus Curved medium/ Extra Curved long                                                | 135.1001; 135.1004                     | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Hộp/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 2        | 27.500.000    | 55.000.000       |
| 107       | 11                | 94       | 3                      | Vít khóa đường kính 2.5mm, đầu vít hình nón 2° | Autolocking screws - Vít khóa dùng cho nẹp khóa đường kính 2.5mm                                                                               | 120.2508 → 120.2550                    | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 30       | 1.100.000     | 33.000.000       |
| 108       | 12                | 95       | 3                      | Vít khóa đường kính 3.5mm, đầu vít hình nón 2° | Autolocking screws - Vít khóa dùng cho nẹp khóa đường kính 3.5mm                                                                               | 130.3210 → 130.3270                    | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 30       | 1.200.000     | 36.000.000       |
| 109       | 13                | 96       | 3                      | Vít khóa đường kính 5.0mm, đầu vít hình nón 2° | Autolocking screws - Vít khóa dùng cho nẹp khóa đường kính 5.0mm                                                                               | 150.4512 → 150.4598                    | Intrauma S.P.A | Ý             | Intrauma S.P.A  | Ý               | Gói/1 cái         | Cái         | GPNK 12607NK/BYT-TB-CT ngày 4/5/2019    | 15       | 1.450.000     | 21.750.000       |
| 110       | 14                | 97       | 3                      | Xi măng hóa học bơm thân sống                  | Opacity+ Radiopaque bone cement - Xi măng xương bơm vào thân đốt sống                                                                          | T040320Z                               | Teknimed SAS   | Pháp          | Teknimed SAS    | Pháp            | Hộp/1 lọ          | Lọ          | GPNK 15694NK/BYT-TB-CT ngày 8/6/2020    | 20       | 7.500.000     | 150.000.000      |
| Tổng cộng |                   |          |                        | 14                                             | danh mục                                                                                                                                       |                                        |                |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.036.800.000    |

**28. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Thiết bị y tế KI TA PI DA (Mã HSDX: 28)**

| Stt | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                                                               | Tên thương mại                                                                                                    | Mã hàng                                                                                | Hãng sản xuất                                      | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu                                    | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu                                          | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|-------------------|----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 111 | 1                 | 114      | 3                      | Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm ceramic miếng lót ceramic, ổ cối có bờ chống trật, chuôi Titanium-Niobium dạng chêm 3 chiều, cổ có các cỡ ngắn, trung bình và dài. | Khớp háng toàn phần không xi măng Titan-Niobium COC                                                               | 01.1x.xxxx;<br>01.29.xxxx;<br>01.26.45.00xxx;<br>01.29.xxxx;<br>01.26.xxxx/ 11-0364xxx | Medacta International SA, Gruppo Bioimpianti S.r.l | Thụy Sĩ, Ý    | Medacta International SA, Gruppo Bioimpianti S.r.l | Thụy Sĩ, Ý      | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GPNK số: 6717NK/BYT-TB-CT ngày 6/2/2018; GPNK số: 8245NK/BYT-TB-CT ngày 9/3/2018 | 10       | 89.900.000    | 899.000.000      |
| 112 | 2                 | 115      | 3                      | Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi có cổ rời điều chỉnh 8 đến 15° góc vẹo trong/ngoài và độ nghiêng trước/sau.                                                        | Khớp háng bán phần không xi măng phù HA Osprovit 150µm, Korus Bicentric                                           | 12-04.xxxxxx; 11-02.xxxxxx.E; 11-04.xxxx; 11-04.50.xxxx                                | Gruppo Bioimpianti S.r.l                           | Ý             | Gruppo Bioimpianti S.r.l                           | Ý               | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GPNK số: 8245NK/BYT-TB-CT ngày 9/3/2018                                          | 5        | 58.900.000    | 294.500.000      |
| 113 | 3                 | 116      | 3                      | Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi Titanium-Niobium (Ti6Al7Nb), dạng chêm 3 chiều.                                                                                    | Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài, vòng khóa đàn hồi phù HA 80µm, dạng chêm 3 chiều loại Quadra Revision | 01.1x.xxxx/ 01.1x.xxxx;<br>01.xxxx;<br>25060.xxxx                                      | Medacta International SA                           | Thụy Sĩ       | Medacta International SA                           | Thụy Sĩ         | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GPNK số: 6717NK/BYT-TB-CT ngày 6/2/2018                                          | 1        | 70.800.000    | 70.800.000       |

| Stt       | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                                                                                                                                                                         | Tên thương mại                                                                                                        | Mã hàng                                                                                                     | Hãng sản xuất                            | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu                          | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu  | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|-------------------|----------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|------------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 114       | 4                 | 117      | 3                      | Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi Titanium-Niobium đang chìm 3 chiều, có có các cỡ ngắn, trung bình và dài, tương thích bộ định vị di động.                                                                    | Khớp háng bán phần không xi măng, vòng khóa đàn hồi, chuỗi titani-niobi loại Quadra HBI                               | 01.1x.xxxx;<br>01.xx.xxx;<br>25060.xxxx                                                                     | Medacta International SA                 | Thụy Sĩ       | Medacta International SA                 | Thụy Sĩ         | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GNPK số: 6717NK/BYT-TB-CT ngày 6/2/2018  | 6        | 55.000.000    | 330.000.000      |
| 115       | 5                 | 118      | 3                      | Khớp gối toàn phần di động, lõi cầu nghiêng trước 4° giảm cân, mâm chày có chuỗi nối dài, lớp đệm dạng ultracongruent, xi măng trùng hợp nhiệt độ thấp                                                               | Khớp gối toàn phần di động bảo tồn xương, lõi cầu nghiêng trước 4° giảm cân, lớp đệm dạng Kmod Ultra-Congruent Mobile | 120701xxx;<br>1207005xx;<br>1207015xx; 1207017xx                                                            | Gruppo Bioimpianti S.r.l                 | Ý             | Gruppo Bioimpianti S.r.l                 | Ý               | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GNPK số: 8246NK/BYT-TB-CT ngày 9/3/2018  | 25       | 81.900.000    | 2.047.500.000    |
| 116       | 6                 | 119      | 3                      | Khớp gối toàn phần di động, lõi cầu thiết kế đa trục, chỉnh độ xoay trục 10°, mâm chày có chuỗi nối dài, lớp đệm dạng siêu tương hợp, xi măng trùng hợp nhiệt độ thấp, tương thích hệ thống định vị kết nối cảm biến | Khớp gối toàn phần di động mâm chày không đối xứng dạng vẩy cá, lõi cầu đùi đa trục dạng J- Mobile GMK                | 02.07.xxxxL/ 02.07.xxxxR;<br>02.07.xxxxL/ 02.07.xxxxR;<br>02.07.xxxxMUC;<br>02.07.xxxxxx; C040140G,C040341G | Medacta International SA; Teknimed S.A.S | Thụy Sĩ; Pháp | Medacta International SA; Teknimed S.A.S | Thụy Sĩ; Pháp   | Hộp/ Bộ           | Bộ          | GNPK số: 6828NK/BYT-TB-CT ngày 28/2/2018 | 25       | 83.800.000    | 2.095.000.000    |
| Tổng cộng |                   |          |                        | 6                                                                                                                                                                                                                    | danh mục                                                                                                              |                                                                                                             |                                          |               |                                          |                 |                   |             |                                          |          | Giá trị:      | 5.736.800.000    |

**29. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị và vật tư y tế Hoàng Việt Long (Mã HSDX: 29)**

| Stt       | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                                                           | Tên thương mại                                           | Mã hàng         | Hãng sản xuất                                 | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu   | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|-------------------|----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------|---------------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 117       | 1                 | 26       | 3                      | Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch áp lực cao 30 atm                   | Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao GM-30 và Co nối Y OKAY II | GM-30NF & YOKOA | Goodman Co., Ltd                              | Nhật          | Nipro Corporation | Nhật            | Hộp 1 bộ          | Bộ          | 200002213/PCB A-HCM                     | 400      | 1.401.750     | 560.700.000      |
| 118       | 2                 | 27       | 3                      | Bóng nong động mạch vành với hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent         | Bóng cắt nong mạch vành chống trượt NSE Alpha            | NSAxxxxx        | Goodman Co., Ltd                              | Nhật          | Nipro Corporation | Nhật            | Hộp 1 cái         | Cái         | 8625NK/BYT-TB-CT                        | 64       | 8.820.000     | 564.480.000      |
| 119       | 3                 | 28       | 3                      | Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính 2.25 -> 4.5mm, dài 8-> 20mm | Bóng nong mạch vành áp lực cao Powered 3NC               | P3Nxxxxx        | Goodman Co., Ltd; Goodman Medical Ireland Ltd | Nhật; Ireland | Nipro Corporation | Nhật            | Hộp 1 bộ          | Bộ          | 12834NK/BYT-TB-CT                       | 50       | 7.350.000     | 367.500.000      |
| Tổng cộng |                   |          |                        | 3                                                                      | danh mục                                                 |                 |                                               |               |                   |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 1.492.680.000    |

**30. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, thương mại và Dịch vụ khoa học, kỹ thuật Transmed (Mã HSDX: 30)**

| Stt       | Stt theo nhà thầu | Stt HSYC | Phân nhóm TT 14 (HSYC) | Tên danh mục                             | Tên thương mại                                   | Mã hàng  | Hãng sản xuất   | Nước sản xuất | Hãng chủ sở hữu | Nước chủ sở hữu | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính | Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|-------------------|----------|------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------|-----------------|---------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------|-----------------------------------------|----------|---------------|------------------|
| 120       | 1                 | 19       | 3                      | Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ | Perclose Proglide Suture-Mediated Closure System | 12673-05 | Abbott Vascular | Ireland       | Abbott Vascular | Mỹ              | Hộp/ 10 Bộ        | Bộ          | 2100794DKLH/BYT-TB-CT                   | 300      | 7.500.000     | 2.250.000.000    |
| Tổng cộng |                   |          |                        | 1                                        | danh mục                                         |          |                 |               |                 |                 |                   |             |                                         |          | Giá trị:      | 2.250.000.000    |

## PHỤ LỤC 2: DANH MỤC/PHẦN KHÔNG TRÚNG THẦU

(Đính kèm theo Quyết định 80 /QĐ-BVĐHYD ngày 16 tháng 6 năm 2023)

| Stt                    | Stt/<br>phần | Phân<br>nhóm<br>TT 14 | Tên danh mục                                                                                 | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Kế hoạch được phê duyệt |                  | Lý do không<br>trúng thầu                |
|------------------------|--------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|-------------------------|------------------|------------------------------------------|
|                        |              |                       |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |          | Đơn giá (VND)           | Thành tiền (VND) |                                          |
| 1                      | 68           | 3                     | Stent động mạch cảnh tự bung,<br>bằng nitinol đường kính 4 -> 9<br>mm, chiều dài 30 -> 60 mm | Stent động mạch cảnh tự bung điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ.<br>- Chất liệu: Nitinol<br>- Kích thước: đường kính stent 4-> 9 mm, dài sau khi bung 30 -> 60 mm<br>- Cấu trúc mắt lưới stent dạng đóng.<br>- Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA<br>- Hoặc tương đương loại Caritod wallstent                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái            | 15       | 26.000.000              | 390.000.000      | Danh mục<br>không có nhà<br>thầu tham dự |
| 2                      | 82           | 3                     | Bóng nong mạch vành áp lực cao                                                               | Bóng nong mạch vành áp lực cao<br>- Chất liệu Nylon Blend<br>- Đường kính 2.5-> 4.0mm, dài 10-> 20mm<br>- Định vị cân quang<br>- Áp lực vỡ bóng 20 atm<br>- Tiết khuẩn<br>- Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA<br>Hoặc tương đương loại iVascular NC Xperience                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ             | 50       | 6.900.000               | 345.000.000      | Danh mục<br>không có nhà<br>thầu tham dự |
| 3                      | 99           | 3                     | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não<br>thất ra ngoài có thang đo áp lực<br>theo dòng chảy         | Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài<br>- Hệ thống hút dịch não bên ngoài, vật liệu Polyme;<br>- Hệ thống gồm dây dẫn 35 cm, Van điều chỉnh dòng chảy, túi chứa dịch 700 ml, cột theo dõi áp xuất dòng chảy, trocar 15cm. catheter não thất dài 35cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.8mm, kích thước lỗ 1.1mm.<br>- Bộ phận Hydrophobic Vent đặc biệt chống chảy ngược<br>- Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp xuất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp xuất não.<br>- Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, có thể tháo rời.<br>- Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA<br>- Tương đương loại Becker External Drainage and Monitoring System | Bộ             | 10       | 4.000.000               | 40.000.000       | Danh mục<br>không có nhà<br>thầu tham dự |
| 4                      | 101          | 3                     | Vít neo 4.75mm, chất liệu<br>PEEK, có chỉ bản dẹt 2.0mm                                      | Vít neo dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong phẫu thuật cổ bàn tay, cổ bàn chân, khuỷu tay<br>- Chất liệu: Vít neo bằng nhựa PEEK; đai chỉ neo bản dẹt bằng chỉ siêu bền UHMWPE.<br>- Kích thước: vít neo có đường kính 4.75mm, dài 19.1mm; chỉ bản dẹt 2.0mm<br>- Các bộ phận khác đi kèm: kèm chỉ dẹt 2.0mm siêu bền được gắn sẵn trên neo và chỉ siêu bền số 2 để khâu các mô mềm, gân, dây chằng,...<br>- Thiết kế: kỹ thuật không thắt nút; tăng cường độ vững chắc và bảo vệ phương pháp điều trị ban đầu giúp đẩy nhanh quá trình hồi phục.<br>- Tiết khuẩn<br>- Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA                                                                                                        | Cái            | 39       | 18.000.000              | 702.000.000      | Danh mục<br>không có nhà<br>thầu tham dự |
| Tổng cộng: 04 danh mục |              |                       |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |          | Giá trị:                | 1.477.000.000    |                                          |

